

# ĐA BÊ TÔNG CỐT THÉP 1 (D20\_21 XD01)

## GVHD: Ths HUỖNH THANH VŨ (MB: 090 669 2035)

### I. ĐỀ BÀI

Thiết kế sàn sườn có bản dầm theo các số liệu sau:

1. Sơ đồ sàn theo hình 2, khoảng cách lấy theo trục dầm và trục tường. Biên là tường chịu lực có chiều dày  $t=340\text{mm}$ , cột C400x400mm
2. Sàn công nghiệp nhẹ có cấu tạo 3 lớp như hình 1.
3. Các giá trị L1, L2, hoạt tải tiêu chuẩn trên sàn  $P_{ic}$  (với hệ số vượt tải  $n=1.2$ ) cho trong phần phụ lục đính kèm

### II. YÊU CẦU

1. Thiết kế sàn, dầm phụ theo sơ đồ dềo; dầm chính theo sơ đồ đàn hồi
2. Bản vẽ A1:
  - Vẽ lại sơ đồ sàn theo số liệu được phân công, thể hiện cách bố trí thép sàn
  - Vẽ biểu đồ bao moment-vật liệu của và mặt cắt dọc, cắt ngang bố trí cốt thép dầm phụ, dầm chính.
  - Lập bảng thống kê cốt thép và khối lượng bê tông sàn, dầm phụ, dầm chính
3. Thuyết minh tính toán theo TCVNXD 5574-2012, bản A4 đóng thành cuốn.
4. **Đi duyệt bài tối thiểu 2 lần mới được bảo vệ. Trước khi bảo vệ phải có đầy đủ bản vẽ sàn, dầm phụ, dầm chính, thuyết minh được chấp nhận cho bảo vệ.**
5. **LỊCH DUYỆT BÀI:**

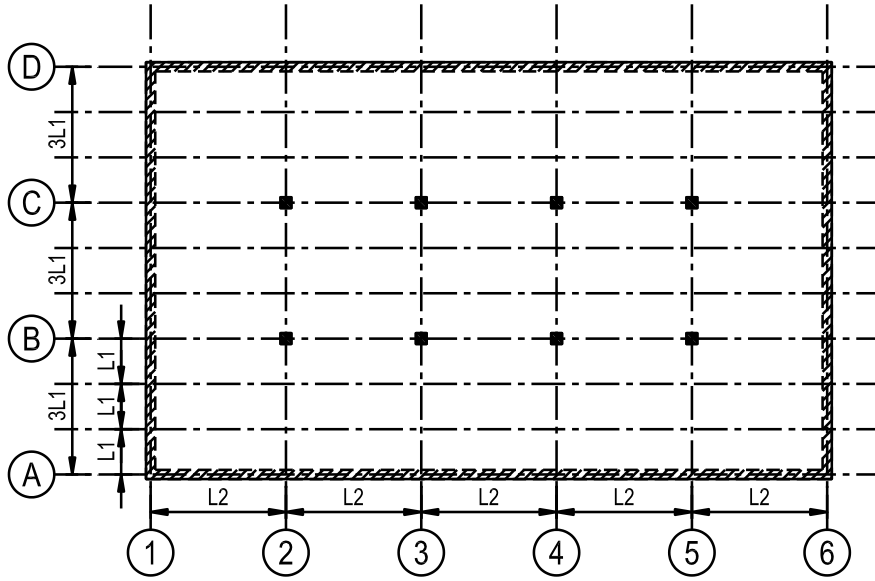
Nội dung	Địa điểm	Ngày	Giờ
Sơ bộ tiết diện.	Phòng thí nghiệm Khoa KTCT	25/03/2023	9h30 - >11h
Tính toán và thể hiện bản vẽ sàn		08/04/2023	(đi theo nhóm 5-7 SV)
Tính toán và thể hiện bản vẽ dầm phụ		22/04/2023	
Tính toán và thể hiện bản vẽ dầm chính		06/05/2023	
Thống kê khối lượng		20/05/2023	

### III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

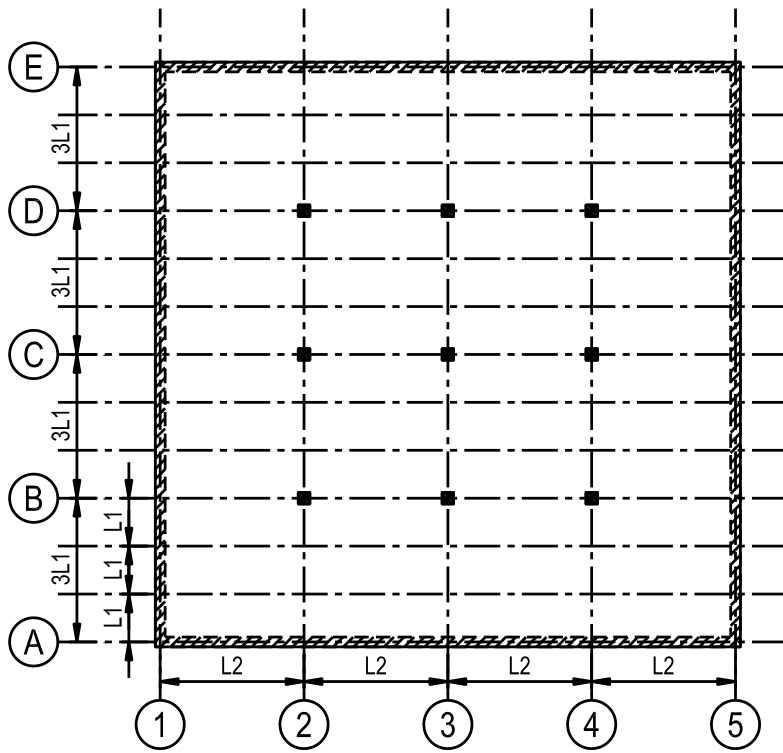
- Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông cốt thép. TCXDVN 5574-2012
- Đồ án môn học kết cấu bê tông: Sàn sườn toàn khối loại bản dầm-theo TCXDVN 356:2005. **Võ Bá Tâm**, Nhà xuất bản Xây Dựng, 2007.



**HÌNH 1 – CÁC LỚP CẤU TẠO SÀN**



**SƠ ĐỒ 1**



**SƠ ĐỒ 2**

**HÌNH 2 – SƠ ĐỒ SÀN**

STT	Mã sinh viên	Họ lót	Tên	MÃ ĐỀ	L1 (m)	L2 (m)	P <sub>tc</sub> (KG/m <sup>2</sup> )
1	DH82003709	Bùi Thế	Anh	1	2.0	5.5	500
2	DH82003093	Hồ Phát	Huy	2	2.2	5.5	500
3	DH82002131	Nguyễn Minh	Mẫn	3	2.5	5.5	500
4	DH82102165	Nguyễn Hồng	Phúc	4	2.7	5.5	500
5	DH82108471	Phan Trọng	Phúc	5	2.0	5.8	500
6	DH82101537	Lê Tấn	Phước	6	2.2	5.8	750
7	DH82104497	Huỳnh Ngọc	Sơn	7	2.5	5.8	750
8	DH82106363	Lê Thanh	Sơn	8	2.7	5.8	750
9	DH82108234	Bùi Phú	Thành	9	2.0	6.2	750
10	DH82107532	Trịnh Mạnh	Thiên	10	2.2	6.2	750
11	DH82100314	Quách Lê	Trí	11	2.5	6.2	750
12	DH82106505	Nguyễn Trường	Triệu	12	2.7	6.2	1000
13	DH82006562	Lương Huỳnh Đình	Trung	13	2.0	6.6	1000
14	DH82101299	Nguyễn Dương	Trường	14	2.2	6.6	1000
15	DH82101485	Nguyễn Tấn	Vũ	15	2.5	6.6	1000
16	DH82105806	Lê Tiến	Vương	16	2.7	6.6	1000
17	DH82107762	Huỳnh Hoàng	Xum	17	2.0	5.5	1000